

PHẦN I: MỞ ĐẦU

I. Lí do chọn đề tài

Một trong những nhiệm vụ của giáo viên trường THPT là phát hiện những học sinh có tư chất thông minh để bồi dưỡng thành những người có nền tảng kiến thức vững vàng, có năng lực tự học và sáng tạo; có sức khỏe tốt để tạo nguồn tiếp tục đào tạo thành nhân tài. Chính vì vậy, bồi dưỡng học sinh cho các kì thi chọn học sinh giỏi luôn là vấn đề được các cấp quản lí, các giáo viên trực tiếp giảng dạy quan tâm và trăn trở....

Có thể nói đây là công việc thường xuyên và cũng là sứ mệnh khó khăn, cao cả của các trường THPT. Với lòng nhiệt huyết, yêu nghề, các thầy cô luôn tìm mọi cách để hướng dẫn và giúp đỡ những học sinh giỏi trau dồi thêm kiến thức để các em đạt kết quả cao nhất. Mỗi thầy cô giáo có một phương pháp khác nhau tùy thuộc vào điều kiện và năng lực của học sinh, nhưng dù theo cách làm nào đi nữa, hai việc mà các giáo viên phải làm là: cung cấp cho học sinh những kiến thức đầy đủ, chuyên sâu, đồng thời hướng dẫn các em phương pháp ôn tập hiệu quả.

Giai đoạn lịch sử từ năm 1930 đến năm 1945 trong chương trình Lịch sử lớp 12 là phần nội dung tương đối khó so với các giai đoạn khác, nó gồm nhiều sự kiện lịch sử diễn ra trong vòng 15 năm dưới sự lãnh đạo của Đảng. Giai đoạn lịch sử này gần giống với lịch sử Đảng, nặng về các vấn đề có tính chất lý luận. Đối với học sinh giỏi cần cung cấp nội dung gì và phương pháp dạy như thế nào để các em nắm được kiến thức có tính chất nâng cao một cách dễ dàng.

Xuất phát từ những lí do trên, là một giáo viên trực tiếp dạy học môn lịch sử ở trường THPT Việt Đức. Tôi đã chọn đề tài: *“Một số biện pháp nâng cao chất lượng bồi dưỡng học sinh giỏi lớp 12 giai đoạn 1930-1945 ở trường THPT Việt Đức”* làm đề tài nghiên cứu của mình.

II. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

1. Đối tượng nghiên cứu

Quá trình bồi dưỡng học sinh giỏi ở trường THPT Việt Đức.

2. Phạm vi nghiên cứu

Do hạn chế về thời gian và khuôn khổ của sáng kiến kinh nghiệm, đề tài không nghiên cứu tất cả những vấn đề thuộc về bồi dưỡng học sinh giỏi môn lịch sử ở trường phổ thông, mà trên cơ sở một số vấn đề cần nắm về bồi dưỡng học sinh giỏi môn lịch sử, kết hợp với thực tế giảng dạy ở trường THPT Việt Đức. Trên cơ sở đó đề xuất một số biện pháp nâng cao chất lượng bồi dưỡng học sinh giỏi lớp 12 giai đoạn 1930-1945 ở trường THPT Việt Đức

III. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài

1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở tìm hiểu lí luận dạy học lịch sử nói chung và thực tiễn bồi dưỡng HSG ở trường THPT Việt Đức. Đề tài đề xuất một số biện pháp nâng cao chất lượng bồi dưỡng học sinh giỏi lớp 12 giai đoạn 1930-1945 ở trường THPT Việt Đức

2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Nghiên cứu thực tiễn tình hình dạy học lịch sử, bồi dưỡng HSG môn lịch sử ở trường THPT Việt Đức.
- Tìm hiểu nội dung Lịch sử giai đoạn 1930-1945, để đề ra những biện pháp hữu hiệu đối với đặc thù trường trường THPT Việt Đức
- Trao đổi ý kiến với các đồng nghiệp trong quá trình bồi dưỡng

IV. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu lí thuyết: lí luận và phương pháp dạy học lịch sử, phương pháp bồi dưỡng HSG môn lịch sử và các tài liệu lịch sử liên quan đến đề tài. Đặc biệt, nghiên cứu chương trình SGK lịch sử lớp 12 giai đoạn 1930-1945, để đề xuất các biện pháp sư phạm nâng cao hiệu quả bồi dưỡng HSG

Phần II: NỘI DUNG

I/ Cơ sở lý luận và thực tiễn

1 Cơ sở lý luận

Như chúng ta đã biết, trong luật giáo dục (2005) đã nhấn mạnh yêu cầu đối với phương pháp giáo dục nói chung và phương pháp dạy học nói riêng là “phải phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của học sinh, phù hợp với đặc điểm của từng lớp, môn học, bồi dưỡng phương pháp tự học, rèn kĩ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, tác động đến tình cảm, đem lại niềm vui, hứng thú học tập cho học sinh”.

Yêu cầu này phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ dạy học, bồi dưỡng HSG ở trường THPT vì phương pháp dạy, phương pháp bồi dưỡng HSG trường THPT phải tiên tiến nhất, phù hợp với đối tượng là những học sinh xuất sắc. Đó là các phương pháp dựa trên hoạt động tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh như: Trao đổi, đàm thoại; dạy học nêu vấn đề; phương pháp nghiên cứu học tập; dạy học liên môn...nhằm tạo ra khả năng tự giáo dục, tự học, tự nghiên cứu để kích thích và phát triển các phẩm chất thông minh và sáng tạo của người học. Học sinh giỏi được học cách tự học tốt nhất, được rèn luyện nhiều về mặt tư duy, nhất là tư duy lôgic, tư duy biện chứng.

Học tập nói chung và học tập lịch sử nói riêng là quá trình tiếp thu kiến thức. Kiến thức lịch sử lại hết sức phong phú và tăng lên với mức độ vô cùng nhanh chóng mà giáo viên không sao truyền thụ hết được. Trong khi đó khả năng hiểu biết và khả năng học tập của con người trong cả cuộc đời là có hạn. Cho nên bồi dưỡng HSG phải phù hợp với đặc điểm tâm lí và khả năng nhận thức của học sinh năng khiếu, cần thiết phải làm cho quá trình học tập của học sinh trở thành quá trình chủ động học tập, tiến dần lên quá trình tự nghiên cứu độc lập

Muốn đạt được điều trên, vai trò của người thầy là rất lớn, phải yêu cầu, hướng dẫn và tổ chức điều kiện học sinh phát triển tư duy lịch sử nhất là tư duy độc lập, sáng tạo; biết

tự tiếp thu tri thức từ nhiều nguồn trong đó phải kể đến việc giải các dạng bài tập lịch sử trong quá trình học bằng cách tự mình suy nghĩ, đặt vấn đề và giải quyết các vấn đề được đặt ra; kết hợp với trao đổi cá nhân, thảo luận nhóm, làm phong phú thêm kiến thức. Sau đó, người học tự kiểm tra đánh giá sản phẩm ban đầu sau khi đã trao đổi với bạn bè và dựa vào kết luận của thầy, tự sửa chữa, tự điều chỉnh, tự hoàn thiện, đồng thời tự rút ra kinh nghiệm về cách học, cách xử lý tình huống, cách giải quyết vấn đề của mình.... Con người chỉ thực sự nắm vững cái mà mình đã giành được bằng hoạt động của bản thân. Học sinh sẽ chỉ ghi nhớ, nắm vững được những gì đã trải qua trong hoạt động nhận thức tích cực của mình, trong đó các em đã phải có những cố gắng trí tuệ và khát vọng học tập.

Nhiệm vụ tư duy đặt ra cho cả giáo viên và học sinh, phần lớn là việc lựa chọn vấn đề lịch sử tổng hợp, sâu rộng (chủ yếu là một sự kiện, nhân vật, một vấn đề chuyên sâu....). Các vấn đề được lựa chọn theo chương trình chuyên sâu phải có mục đích gọi lại những kiến thức cơ bản của chương trình sách giáo khoa đã được thông hiểu và nắm vững để tổng hợp, hệ thống hoá, củng cố, thực hành, rèn luyện kỹ năng đã học, rút ra kết luận, đánh giá quy luật, bài học lịch sử...

Vấn đề chuyên sâu không chỉ nhằm mục đích ôn tập, củng cố kiến thức đã học, mà tạo ra sự ham muốn hiểu biết, ham muốn học hỏi, tự tìm tòi và phải biết suy nghĩ, biết vận dụng kiến thức đã học để hiểu biết kiến thức mới thì học sinh không thể nào giải quyết được các vấn đề đặt ra như các bài tập lịch sử. Sự nỗ lực trên của các em bao gồm cả tư duy trí tuệ, động cơ tâm lý, ý thức, thái độ tình cảm. Nhưng khi đã giải quyết được vấn đề đặt ra, học sinh sẽ cảm thấy phấn khởi, hứng thú, say mê hơn với bộ môn; đồng thời có niềm tin vào bản thân và có ý chí vươn lên trong cuộc sống.

Như vậy, các biện pháp bồi dưỡng HSG Lịch sử phải giải quyết được các vấn đề quan trọng trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể. Đây là điều hết sức quan trọng, song khó dạy trong chương trình để giúp học sinh có thể khái quát và hệ thống hoá được kiến thức, ôn tập và thi học sinh giỏi đạt kết quả cao.

2. Cơ sở thực tiễn

Trong chương trình Lịch sử lớp 12 – Nâng cao, nội dung Lịch sử Việt Nam từ 1919 đến nay là một nội dung cơ bản của tiến trình lịch sử Việt Nam thời kỳ hiện đại, đây cũng là phần nội dung căn bản trong chương trình ôn thi vào Đại học – Cao đẳng và trong các kỳ thi chọn học sinh giỏi. Đặc biệt, giai đoạn lịch sử từ 1930 đến 1945 là một giai đoạn khó, đối tượng nghiên cứu khá phức tạp với nhiều vấn đề vừa cụ thể, vừa khái quát, vừa cơ bản nhưng lại nâng cao, vừa phải trình bày chi tiết dựa trên quan điểm tư tưởng của Đảng nhưng phải tổng hợp, phân tích, đánh giá rút ra nhận xét, đặc điểm nổi bật qua từng vấn đề.

Thực tiễn bồi dưỡng HSG, việc soạn giáo án và thực hiện “Lựa chọn vấn đề dạy và phương pháp ôn tập cho HSG khi giảng dạy giai đoạn lịch sử Việt Nam từ 1930 – 1945” các thầy cô thường ngại dạy và học sinh ngại học. Bởi lẽ, người giáo viên vừa trang bị tốt cho học sinh kiến thức cơ bản (theo chương trình chuẩn), vừa hệ thống hoá kiến thức theo các vấn đề cụ thể về sự ra đời và hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam; về đường lối dân tộc và dân chủ; nét nổi bật của cách mạng Việt Nam qua từng thời kỳ.....Đồng thời, lựa chọn phương pháp ôn tập phù hợp để các em có một hành trang vững vàng dự thi đạt

thành tích tốt trong kì thi chọn học sinh giỏi, cũng như đạt thành tích tốt trong kì thi vào các trường Đại học, Cao đẳng.

II. Một số biện pháp nâng cao chất lượng bồi dưỡng học sinh giỏi lớp 12 giai đoạn 1930-1945 ở trường THPT Việt Đức

1. Các vấn đề cơ bản và chuyên sâu giáo viên cần cung cấp cho học sinh khi giảng dạy giai đoạn lịch sử Việt Nam 1930-1945:

1.1. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đánh dấu một bước ngoặt vô cùng quan trọng trong lịch sử Việt Nam.

Chấm dứt thời kì khủng hoảng lâu dài về đường lối, giai cấp lãnh đạo, vạch ra đường lối chiến lược cho cách mạng, đề ra khẩu hiệu chiến lược là “Độc lập dân tộc” “Ruộng đất dân cày”, nêu ra phương pháp đấu tranh cách mạng đúng đắn... Trong đó, nét nổi bật là đường lối chiến lược cách mạng tư sản dân quyền (cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân) của Đảng đề ra trong Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt (tháng 1/1930) và Luận Cương chính trị (tháng 10/1930). Những điểm giống và khác nhau giữa hai văn kiện trên; sự đúng đắn và sáng tạo của Cương Lĩnh chính trị và hạn chế của Luận Cương chính trị; những điều chỉnh sau này của Trung ương Đảng về mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ chống đế quốc, chống phong kiến; giữa giải phóng dân tộc và cách mạng ruộng đất trong từng thời kì cách mạng 1930 – 1935, 1936 – 1939, 1939 – 1945.

1.2. Nét nổi bật của cách mạng Việt Nam qua từng thời kì 1930 – 1931, 1932 – 1935, 1936 – 1939, 1939 – 1945.

Thời kì 1930 – 1931 với đỉnh cao Xô viết Nghệ - Tĩnh là một sự kiện lịch sử trọng đại trong lịch sử cách mạng nước ta. Lần đầu tiên dưới sự lãnh đạo của Đảng với khẩu hiệu “Độc lập dân tộc” “Ruộng đất dân cày” đã tập hợp đông đảo quần chúng công – nông ở nước ta vùng lên với sức mạnh to lớn, giáng một đòn mạnh mẽ vào hai kẻ thù chính của dân tộc là đế quốc và phong kiến. Đặc biệt từ tháng 9 đến tháng 10 năm 1930, phong trào phát triển đỉnh cao ở Nghệ An – Hà Tĩnh, một số địa phương nhân dân làm chủ chính quyền và thành lập chính quyền cách mạng theo kiểu Xô viết ở Nga... Qua thực tiễn phong trào đã khẳng định năng lực của Đảng; thể hiện sức mạnh của khối liên minh công – nông; để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu về giành chính quyền cách mạng, về phương pháp đấu tranh, về tổ chức và lãnh đạo... Vì vậy, đây là cuộc diễn tập đầu tiên chuẩn bị cho cách mạng tháng Tám 1945.

Thời kì 1932 – 1935 là thời kì đấu tranh để phục hồi lực lượng cách mạng. Mặc dù thực dân Pháp đàn áp, khủng bố nhưng Đảng vẫn kiên trì đấu tranh, vẫn giữ vững lập trường cách mạng. Đến tháng 3/1935 tại MaCao (Trung Quốc), Đại hội lần thứ nhất của Đảng họp nhằm chuẩn bị đường lối cho thời kì cách mạng tiếp theo.

Thời kì 1936 – 1939 diễn ra trong bối cảnh tình hình thế giới và trong nước có nhiều chuyển biến mới. Sự ra đời và hoạt động của chủ nghĩa phát xít, những điều chỉnh về đường lối chiến lược cách mạng thế giới tại Đại hội lần VII (7/1935) của Quốc tế cộng sản, đặc biệt khi Mặt trận nhân dân Pháp lên nắm chính quyền, nói lỏng một số quyền tự do, dân chủ và ân xá tù chính trị ở các nước thuộc địa... Lợi dụng tình hình này Đảng đã thực hiện cuộc vận động dân chủ rộng khắp trong cả nước và trên toàn Đông Dương, với nhiều hình thức đấu tranh chủ yếu là kết hợp công khai với bán công khai và bí mật, tổ

chức đấu tranh báo chí, đấu tranh nghị trường... Qua phong trào, tư tưởng chủ nghĩa Mác – Lênin và đường lối chính sách của Đảng được tuyên truyền sâu rộng, làm cho ý thức giác ngộ chính trị của quần chúng được nâng cao; đào tạo và xây dựng đội quân chính trị hùng hậu đông đảo; uy tín và ảnh hưởng của Đảng được mở rộng và ăn sâu trong quần chúng....

Thời kì 1939 – 1945 là cuộc tập dượt cuối cùng, toàn diện và trực tiếp cho thắng lợi của cách mạng tháng Tám 1945. Sự chuẩn bị cho cách mạng về đường lối chiến lược; về xây dựng lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang, căn cứ địa cách mạng. Cuộc tập dượt đấu tranh chủ yếu trong Cao trào kháng Nhật (từ tháng 3 đến đầu tháng 8 năm 1945) và thành công trong cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền diễn ra trong 15 ngày (từ 15/8/1945 đến 30/8/1945). Ngày 2/9/1945 nước Việt Nam dân chủ cộng hoà ra đời đánh dấu bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử dân tộc. Mở ra kỉ nguyên mới cho dân tộc: kỉ nguyên độc lập gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Như vậy, việc nắm vững nội dung cơ bản trong từng thời kì cách mạng, giúp học sinh suy nghĩ, tổng hợp làm nổi bật những nét chung và nét khác nhau giữa các thời kì cách mạng, lí giải được vì sao có nét khác nhau đó.

- Những nét chung:

+ Điều khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng trong thực tiễn đấu tranh cách mạng, với đường lối chiến lược phù hợp trong từng hoàn cảnh khác nhau.

+ Điều tập hợp và tôi luyện quần chúng đấu tranh, nhất là quần chúng công – nông.

+ Điều là những cuộc diễn tập đưa đến sự thắng lợi của cách mạng tháng Tám 1945 và để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý giá cho thời kì cách mạng sau.

- Những điểm riêng

+ Thời kì 1930 – 1931: nổi bật về vai trò của liên minh công – nông trong quá trình đấu tranh và hình thức nhà nước công – nông sơ khai của Đảng, đó là chính quyền Xô viết Nghệ - Tĩnh theo kiểu Nga.

+ Thời kì 1932 – 1935 nổi bật về sự vững vàng của Đảng trước chính sách khủng bố dã man của đế quốc.

+ Thời kì 1936 – 1939: nổi bật với phương pháp đấu tranh mới với nhiều hình thức: đấu tranh chính trị, hoà bình, công khai kết hợp bán công khai, bất hợp pháp với bí mật... Xây dựng đội quân chính trị hùng hậu của quần chúng.

+ Thời kì 1939 – 1945: nổi bật với việc giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc; tập hợp rộng rãi quần chúng trong Mặt trận dân tộc thống nhất; tổ chức lực lượng chính trị kết hợp lực lượng vũ trang đấu tranh giành chính quyền cách mạng.

Trong những điểm chung và điểm riêng đó thì điểm chung là rất quan trọng vì dù trong thời kì lịch sử nào cách mạng cũng được đặt dưới sự lãnh đạo thống nhất của một chính đảng – Đảng Cộng sản Đông Dương. Còn sở dĩ có điểm riêng là do hoàn cảnh lịch sử của mỗi thời kì khác nhau.

1.3. Vấn đề dân tộc – dân chủ trong giai đoạn cách mạng 1930 – 1945. Đây là vấn đề khó, với nhiều sự kiện nhỏ, đòi hỏi học sinh hệ thống hoá kiến thức của từng thời kì cách mạng theo các nội dung cơ bản sau: hoàn cảnh lịch sử; Chủ trương sách lược của

Đảng trong việc xác định kẻ thù trước mắt của dân tộc, xác định nhiệm vụ chiến lược, việc tập hợp lực lượng cách mạng và phương pháp đấu tranh; kết quả, ý nghĩa và bài học kinh nghiệm.

Đồng thời, học sinh hiểu sâu hơn về đường lối chiến lược cách mạng tư sản dân quyền (tức vấn đề dân tộc – dân chủ) được cụ thể hoá trong từng thời kì cách mạng 1930 – 1935, 1939 – 1939, 1939 – 1945. Chủ trương chiến lược cách mạng tư sản dân quyền được Đảng đề ra tại Hội nghị lần thứ nhất BCH Trung ương lâm thời tháng 10/1930 (thông qua Luận Cương chính trị do Trần Phú soạn thảo); Chủ trương này được điều chỉnh tại Hội nghị BCH Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (7/1936); chuyển hướng chỉ đạo chiến lược được đề ra tại Hội nghị Trung ương 6 (11/1939) và hoàn chỉnh tại Hội nghị Trung ương 8 (5/1941). Sự hoàn chỉnh về chiến lược được thể hiện ở ba điểm chủ yếu:

+ Giương cao hơn nữa ngọn cờ giải phóng dân tộc, đây là nhiệm vụ hàng đầu và cấp bách của dân tộc.

+ Giải quyết vấn đề dân tộc ở Đông Dương trong phạm vi từng nước Việt Nam, Lào, Campuchia.

+ Hoàn thiện chủ trương khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền ở Việt Nam.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 và Trung ương 8, một cuộc khởi nghĩa – một trong hai phương thức cách mạng bên cạnh chiến tranh được chuẩn bị để nổ ra vào cuối thời kì này khi có thời cơ.

1.4. Quá trình xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng trong cuộc vận động giải phóng dân tộc 1939 – 1945. Quá trình này được thực hiện sau Hội nghị Trung ương 8 (5/1941) gồm việc chuẩn bị về lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang, căn cứ địa cách mạng và diễn ra qua ba bước:

+ Từ khởi nghĩa Bắc Sơn (1940) đến trước cao trào kháng Nhật (9/3/1945) là quá trình xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng.

+ Từ ngày 9/3/1945 đến trước Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945 (13/8/1945) với những hoạt động chính của lực lượng cách mạng trong cao trào kháng Nhật.

+ Từ ngày 13/8/1945 đến 2/9/1945 Lực lượng cách mạng thể hiện vai trò của mình đối với thành công của cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước tháng 8/1945.

Như vậy, dựa trên cơ sở lực lượng chính trị hùng hậu, Đảng đã từng bước xây dựng lực lượng vũ trang, mở rộng căn cứ địa cách mạng, lãnh đạo quần chúng tiến hành khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước. Cuộc Tổng khởi nghĩa tháng 8/1945 diễn ra bằng sức mạnh của cả lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, trong đó lực lượng chính trị và đấu tranh chính trị đóng vai trò chủ yếu, quyết định. Còn lực lượng vũ trang và đấu tranh vũ trang đóng vai trò nòng cốt. Trong những đòn quyết định đánh vào cơ quan đầu não địch ở Hà Nội và các đô thị, lực lượng vũ trang đã nhanh chóng hỗ trợ các lực lượng chính trị của quần chúng nổi dậy đè bẹp sức phản kháng của kẻ thù, giành chính quyền mở đường cho thắng lợi trọn vẹn về tay nhân dân.

1.5. Các tổ chức Mặt trận dân tộc thống nhất trong cách mạng Việt Nam từ 1930 – 1945. Đây là một trong những nhân tố quan trọng quyết định thành công của cách mạng Việt Nam là không ngừng củng cố và tăng cường đoàn kết: đoàn kết toàn Đảng, toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế và kết hợp với sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời

đại. Trên cơ sở khối liên minh công – nông, Đảng mở rộng đội ngũ cách mạng đến các giai cấp và tầng lớp khác có xu hướng dân tộc và dân chủ, thực hiện chính sách mặt trận dân tộc thống nhất – chính sách đại đoàn kết là vấn đề có ý nghĩa chiến lược trong cách mạng nước ta.

Nắm vững quan điểm này, từ cuối năm 1930 khi phong trào cách mạng 1930 – 1931 trở nên quyết liệt, Đảng ra chỉ thị về vấn đề “Hội phản đế đồng minh” trong đó nêu lên tư tưởng chiến lược đúng đắn: đoàn kết toàn dân thành một tổ chức có lực lượng tham gia rộng rãi, lấy công – nông làm động lực chính, là một trong những điều kiện quyết định thắng lợi của cách mạng giải phóng dân tộc. Trải qua các thời kì cách mạng 1936 – 1939, 1939 – 1945, Mặt trận dân tộc thống nhất đề có sự thay đổi để phù hợp với tình hình thực tiễn cách mạng.

Vì thế, khi lựa chọn vấn đề trên giáo viên cần hệ thống hoá kiến thức bằng việc lập bảng thống kê theo yêu cầu sau: Tên Mặt trận – Thời gian thành lập – Chủ trương cơ bản – Vai trò của mặt trận. Qua đó, học sinh phân tích, đánh giá đúng vai trò của từng mặt trận, đặc biệt là Mặt trận Việt Minh đối với thắng lợi của cách mạng tháng Tám 1945.

1.6. Vấn đề khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền năm 1945. Chủ trương khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền được Đảng nhấn mạnh trong Hội nghị Trung ương 8 (5/1941), coi chuẩn bị vũ trang là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân. Hội nghị nhấn mạnh: khởi nghĩa vũ trang muốn giành được thắng lợi phải có đủ điều kiện khách quan và chủ quan, nổ ra đúng thời cơ. Về nguyên tắc khởi nghĩa, Hội nghị nêu rõ: Với lực lượng đã chuẩn bị, phát động quần chúng đứng lên khởi nghĩa từng phần, giành chính quyền bộ phận để rồi tiến tới tổng khởi nghĩa trong phạm vi toàn quốc.

Cuộc khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền ở Việt Nam năm 1945, bắt đầu từ sau khi Đảng có chỉ thị “Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” và phát động Cao trào kháng Nhật cứu nước với khởi nghĩa từng phần giành chính quyền ở một số địa phương (từ 9/3/1945 đến 13/8/1945). Kết thúc bằng cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước trong vòng 15 ngày (từ 14/8/1945 đến 30/8/1945).

Cuộc khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền năm 1945 mang nhiều đặc điểm nổi bật và để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu được Đảng ta vận dụng sáng tạo trong cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ sau này.

1.7. Vai trò của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh đối với việc thành lập Đảng cộng sản Việt Nam (1930) và tổ chức lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc (chủ yếu từ 1941 đến 1945). Đây cũng là vấn đề khó, đòi hỏi khả năng tổng hợp, phân tích, đánh giá có sự phối hợp nhiều phương pháp dạy học khác nhau. Từ đó, người giáo viên định hướng giúp học sinh nhận thức rõ những vai trò to lớn của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh trong tiến trình cách mạng Việt Nam từ 1930 – 1945.

- *Đối với việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam 1930:* sau khi tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn – con đường cách mạng vô sản, Nguyễn Ái Quốc đã tích cực truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin vào Việt Nam, chuẩn bị về tư tưởng và tổ chức cho sự thành lập Đảng của giai cấp vô sản; Là người chủ trì Hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản (6/1/1930) đưa đến sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; Là người soạn thảo Chính cương vắn tắt, sách lược vắn tắt vạch ra đường lối chiến lược cơ bản cho cách mạng Việt Nam....

- *Đối với cách mạng tháng Tám:* Sau nhiều năm bôn ba ở hải ngoại, ngày 28/1/1941 Nguyễn Ái Quốc về nước, tại Pắc Bó – Cao Bằng, Người đã tổ chức và chủ trì Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 (từ 10 – 19/5/1941) để hoàn chỉnh chủ trương chỉ đạo chiến lược cách mạng...; Sau Hội nghị 8, Người đã triển khai lãnh đạo thực hiện nghị quyết: trực tiếp xây dựng căn cứ cách mạng, mở rộng quan hệ đối ngoại với Trung Quốc, tranh thủ sự ủng hộ của đồng minh chống Nhật...; Sáng suốt dự đoán thời cơ cách mạng và khi thời cơ đến Người cùng Trung ương Đảng chủ động lãnh đạo quần chúng tiến hành khởi nghĩa vũ trang đi từ khởi nghĩa từng phần đến tổng khởi nghĩa giành chính quyền với tinh thần “*dù phải hi sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường sơn chúng ta cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập*”...; Trực tiếp soạn thảo và đọc Tuyên ngôn độc lập (2/9/1945) tuyên bố các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam và tuyên bố về sự ra đời của nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà. Có thể thấy, Hồ Chí Minh là linh hồn của cách mạng tháng Tám, của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà.

1.8. Mối quan hệ tác động của tình hình thế giới với cách mạng Việt Nam giai đoạn 1930 – 1945. Ở giai đoạn lịch sử này học sinh cần nắm vững những ảnh hưởng của tình hình thế giới đến cách mạng Việt Nam như: Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 – 1933; Sự ra đời của chủ nghĩa phát xít (đứng đầu là Đức – Italia – Nhật Bản) đe dọa hoà bình, an ninh thế giới và những điều chỉnh đường lối chiến lược cách mạng thế giới tại Đại hội lần thứ 7 (7/1935) của Quốc tế Cộng sản; Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ từ tháng 9/1939 đến tháng 6/1941; Những thắng lợi của quân đội Đồng minh trong việc tiêu diệt phát xít năm 1945... Những sự kiện lịch sử thế giới trên đều tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến phong trào cách mạng Việt Nam trong giai đoạn 1930 – 1945.

1.9. Nước Việt Nam dân chủ cộng hoà được thành lập (2/9/1945). Yêu cầu học sinh hệ thống kiến thức trên cơ sở sự kiện cơ bản như: sự thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hoà; Nội dung cơ bản của Tuyên ngôn độc lập; Ý nghĩa việc thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hoà ...

2. Phương pháp ôn tập.

2.1 Một số yêu cầu đối với học sinh trong quá trình ôn tập

2.1.1 Phải nắm vững toàn bộ chương trình

- Đây là vấn đề quan trọng đầu tiên, vì các đề thi HSG chỉ xoay quanh chương trình lịch sử phổ thông (đặc biệt là chương trình LS 12)

- Các em không được học *tủ* (chỉ ôn những phần cho là quan trọng, trọng tâm thi). Vì học *tủ* sẽ không có kiến thức hệ thống, toàn diện, mặt khác đề thi có thể ra vào phần không ôn tập ... dẫn đến kết quả làm bài không cao.

2.1.2 Nắm vững sách giáo khoa kết hợp với sách tham khảo

- Sách giáo khoa là pháp lệnh, được sử dụng chính thức trong nhà trường. Hướng dẫn ra đề thi của Bộ Giáo dục cũng nhắc nhở người ra đề bám sát chương trình bộ môn được thể hiện cụ thể qua nội dung sách giáo khoa. Vì thế SGK là tài liệu ôn tập chính.

- Để ôn tập và làm bài thi đạt kết quả tốt, ngoài sách giáo khoa cần mở rộng tham khảo các tài liệu khác. Kinh nghiệm cho thấy rằng, bài thi tốt chỉ bằng lòng với nội dung trong sách giáo khoa là chưa đủ, chỉ có thể đạt điểm trung bình chứ không thể đạt điểm cao, vì thế cần phải có kiến thức mở rộng.

Tài liệu tham khảo có rất nhiều, nhưng không nên tham lam, ôm đồm, xem nhiều mà không chắc. Giáo viên nên chọn lọc giới thiệu cho các em một số tài liệu tham khảo và hướng dẫn các em cách đọc (không nhớ thêm sự kiện, chỉ ghi nhớ những nhận định đánh giá về các sự kiện lịch sử để vận dụng vào bài làm...)

2.1.3 Ôn tập như thế nào để đạt kết quả tốt

Yêu cầu ôn tập đối với môn lịch sử không phải là học thuộc lòng và nhớ thật nhiều sự kiện, diễn biến chi tiết của lịch sử. Vì thế trong giai đoạn 1930-1945, trên cơ sở của những sự kiện lịch sử được chọn lọc, *giáo viên giúp học sinh phân tích và tổng hợp để hiểu được những bước phát triển và thắng lợi của cách mạng Việt Nam, giải thích đánh giá các thắng lợi đó, cũng như rút ra những ý nghĩa và những bài học lịch sử để vận dụng những điều hiểu biết đó vào bài làm.*

Nội dung ôn tập cần được sắp xếp theo từng vấn đề từ trước tới sau, theo thời gian để đảm bảo việc nắm chắc các kiến thức một cách hệ thống. Có như vậy khi gặp một đề thi có nội dung quan hệ tới nhiều chương thì mới chủ động giải quyết một cách có hệ thống hợp lý được. Ví dụ: đề thi tuy hỏi về thời kỳ 1936-1939 nhưng lại đòi hỏi so sánh với thời kỳ 1930-1931 trước đó, chứng minh mối quan hệ phát triển biện chứng giữa hai phong trào và còn phải phân tích ý nghĩa và tác dụng to lớn của phong trào 1936-1939 đối với tiến trình cách mạng 1939-1945.

Khi tiến hành bài học lịch sử, việc sử dụng đa dạng và kết hợp nhuần nhuyễn, hợp lí các phương pháp, các cách dạy phù hợp với từng nội dung lịch sử là điều cần thiết. Song, ở đây chúng tôi muốn nhấn mạnh tới phương pháp ôn tập cho học sinh giỏi khi giảng dạy một vấn đề cụ thể đã được xác định trong giai đoạn lịch sử Việt Nam từ 1930 – 1945.

Trước hết, phương pháp dạy học nêu vấn đề - đây là nguyên tắc chỉ đạo việc tiến hành nhiều phương pháp dạy học. Nó được vận dụng trong tất cả các khâu như trình bày nêu vấn đề, tình huống có vấn đề và bài tập, câu hỏi nêu vấn đề. Trong đó, khi lựa chọn vấn đề dạy phải đảm bảo các yêu cầu về tính khoa học, tính Đảng, tính hình ảnh và ngôn ngữ trong sáng. Song, việc lựa chọn các vấn đề dạy trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể phải có ý nghĩa đặc biệt đối với sự phát triển tư duy độc lập của học sinh. Khi dạy vấn đề chuyên sâu không chỉ củng cố hệ thống hoá kiến thức cơ bản đã học, mà còn giúp học sinh tìm ra bản chất của sự kiện, hiện tượng, phân tích, đánh giá và độc lập rút ra các kết luận cần thiết trên cơ sở trình bày của thầy, hình thành kĩ năng, kĩ xảo trong học tập....

Ví dụ, khi dạy vấn đề “Khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền trong cả nước năm 1945”, giáo viên đưa ra tình huống có vấn đề sau: Sử gia tư sản cho rằng cách mạng tháng Tám ở Việt Nam thành công nhanh chóng là do “ăn may”, nhưng nhiều người lại khẳng định đó là quá trình chuẩn bị lâu dài kết hợp với nghệ thuật chớp thời cơ của Đảng ta. Theo em, ý kiến nào đúng? Vì sao. → học sinh phải theo dõi bài, suy nghĩ, phân tích, rút ra ý kiến đúng.

Thứ hai, Trao đổi, đàm thoại – đây là phương pháp cần thiết và phải làm thường xuyên trong việc thực hiện ôn tập, củng cố kiến thức dưới sự chỉ đạo của giáo viên. Có thể vận dụng nhiều dạng trao đổi, đàm thoại tùy vào nội dung, vấn đề cụ thể: Trao đổi tái hiện nhằm gợi lại kiến thức cũ để tiếp thu kiến thức mới; trao đổi phân tích, khái quát hoá nhằm hướng học sinh tìm ra bản chất của sự kiện lịch sử; trao đổi tìm tòi phát hiện nhằm

tổ chức hoạt động nhận thức của học sinh khi ôn tập tổng kết.... Việc trao đổi đàm thoại giữa các nhóm học tập cùng một nội dung lịch sử để đánh giá khả năng tư duy, mức độ sáng tạo của từng học sinh, rèn luyện tính kiên nhẫn trong học tập, khả năng giao tiếp... từ đó, phân loại và lựa chọn chính xác những học sinh giỏi nhất tham gia vào đội tuyển.

Thứ ba, sử dụng bài tập lịch sử bồi dưỡng, ôn tập cho học sinh giỏi. Giáo viên sau khi giảng dạy một giai đoạn lịch sử, một vấn đề chuyên sâu cần biên soạn các câu hỏi ôn tập giúp học sinh hệ thống hoá kiến thức cơ bản, nâng cao khả năng độc lập tư duy, rèn luyện kỹ năng làm bài.

Việc xây dựng bài tập, câu hỏi ôn tập trong dạy học lịch sử nói chung không thể là việc làm tùy tiện, kinh nghiệm chủ nghĩa mà phải xuất phát từ những căn cứ khoa học và phải tuân thủ theo những nguyên tắc cơ bản như:

- + Nội dung bài tập phải gắn với chương trình, sách giáo khoa.
- + Đảm bảo tính hệ thống trong việc xác định nội dung kiến thức cơ bản.
- + Đảm bảo tính đa dạng, toàn diện trong việc xác định kiến thức lịch sử ở nhiều mặt khác nhau của đời sống xã hội....
- + Nội dung bài tập lịch sử phải phù hợp với trình độ nhận thức, phát huy trí thông minh sáng tạo, có tác dụng giáo dục tư tưởng, phẩm chất đạo đức của học sinh.
- + Bài tập lịch sử cần chính xác về nội dung và chuẩn mực về hình thức.

Sau đây là một số dạng bài tập, câu hỏi tự luận (tham khảo) ôn tập cho học sinh giỏi khi dạy giai đoạn lịch sử Việt Nam từ 1930 – 1945.

Câu 1. Nêu những nét chung và những nét khác nhau của thời kỳ cách mạng 1930 – 1945.

Câu 2. Đảng ta giải quyết mối quan hệ giữa nhiệm vụ dân tộc và nhiệm vụ dân chủ trong giai đoạn 1930-1945 như thế nào?

Câu 3. Các hình thức tổ chức, vai trò của mặt trận dân tộc thống nhất do Đảng ta chủ trương và thành lập đối với sự nghiệp cách mạng VN từ khi Đảng ra đời cho đến năm 1941.

Câu 4. Chứng minh rằng: Trong giai đoạn lịch sử 1930 – 1945, mỗi khi hoàn cảnh lịch sử thay đổi thì Đảng ta đều đề ra những chủ trương đúng đắn, kịp thời để lãnh đạo cách mạng.

Câu 5. Vì sao nói, cao trào cách mạng 30 – 31 là cuộc đấu tranh với quy mô lớn, mang tính triệt để và diễn ra dưới nhiều hình thức.

Câu 6. Trên cơ sở phân tích đối tượng, mục tiêu, ý nghĩa của phong trào dân chủ 36 – 39, hãy nhận xét về tính chất của phong trào đó?

Câu 7. Anh(chị) hãy nêu những sự kiện tiêu biểu trong tiến trình lịch sử Việt Nam từ 1930-1945 và phân tích một sự kiện tiêu biểu có ảnh hưởng đến giai đoạn lịch sử đó và giai đoạn tiếp theo

Câu 8. Vì sao trong 3 năm liên tiếp 1939,1940,1941 Đảng Cộng sản Đông Dương triệu tập hội nghị? Vấn đề quan trọng nhất được các hội nghị đề cập là gì?

Câu 9. Thông qua nội dung các văn kiện : Chính cương vắn tắt, sách lược vắn tắt(năm 1930) và hội nghị Ban chấp hành trung ương Đảng lần thứ VIII(5/1941), anh(chị) hãy

trình bày quan điểm của Nguyễn Ái Quốc về việc giải quyết nhiệm vụ dân tộc và giai cấp trong cách mạng Việt Nam.

Câu 10. Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam có phải là cách mạng bạo lực không? Vì sao?

Thứ tư, tổ chức kiểm tra đánh giá học sinh, chủ yếu dưới hình thức kiểm tra miệng và kiểm tra viết.

+ Kiểm tra miệng kết hợp trong giờ dạy để kiểm tra mức độ nắm vững kiến thức và khả năng phản xạ nhanh; khả năng tư duy sáng tạo trong quá trình nghe giảng; rèn luyện kỹ năng thuyết trình các sự kiện lịch sử...

+ Kiểm tra bài viết tại lớp, đây là hình thức bắt buộc vì một vấn đề chuyên sâu đòi hỏi học sinh phải hình thành được kỹ năng làm bài thi, đó là: đọc và hiểu đề thi; vạch đề cương sơ lược bài làm; nắm vững nội dung lịch sử (là yêu cầu quan trọng bậc nhất để đạt được kết quả thi cao); lựa chọn phương pháp học tập và làm bài phù hợp (đòi hỏi sự thông minh, phải có tư duy, phải biết tổng hợp các vấn đề, biết giải thích, đánh giá sự kiện hiện tượng lịch sử, lập luận logic, văn phong rõ ràng trong sáng...).

3. Thiết lập các câu hỏi về giai đoạn lịch sử cách mạng Việt Nam 1930-1945

Từ thực tế nhiều năm ôn thi học sinh giỏi, đối với giai đoạn lịch sử cách mạng Việt Nam 1930-1945, tôi đã sưu tầm và biên soạn một số dạng đề, câu hỏi vừa để củng cố vừa nâng cao kiến thức. Do số lượng trang có hạn, tôi xin phép chỉ đưa ra một số câu hỏi mang tính chuyên sâu, có tác dụng giúp học sinh hiểu sâu sắc giai đoạn lịch sử Việt Nam 1930-1945 và những hướng dẫn khái quát cách trả lời một số câu hỏi khó.

CHƯƠNG I: ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI

1. Tại sao các phong trào yêu nước tại Việt Nam vào đầu thế kỉ XX lại bị thất bại? Anh (chị) hãy trình bày những hoạt động của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trong thời gian từ 1919 đến đầu 1930 nhằm tìm ra con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc Việt Nam.

2. Vì sao nói “Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời mở ra một bước ngoặt vô cùng quan trọng trong lịch sử Việt Nam”?

3. Nêu vai trò của Nguyễn Ái Quốc đối với quá trình vận động chuẩn bị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

4. Viết lại tên sự kiện với thời gian tương ứng các sự kiện sau :

- Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên
- Thành lập Đông Dương Cộng sản Đảng
- Đông Dương cộng sản Liên đoàn gia nhập Đảng cộng sản Việt Nam
- Nguyễn Ái Quốc tham dự Đại hội Tua và tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp
- Thành lập Đảng Cộng Sản Việt Nam
- Tân Việt Cách mạng Đảng ra đời
- Thành lập chi Bộ Đảng đầu tiên tại nhà số 5D Hàm Long Hà Nội
- Thành lập An Nam Cộng Sản Đảng

b) Chọn ra và giải thích 2 sự kiện quan trọng nhất, có ý nghĩa quyết định trong việc chuẩn bị tiến đến thành lập Đảng Cộng Sản Việt Nam

Gợi ý trả lời phần b

Hai sự kiện quan trọng nhất, có ý nghĩa quyết định.... các em nên chọn là:

a. Nguyễn Ái Quốc tham dự Đại hội Tua và tham gia sáng lập Đảng cộng sản Pháp tháng 12/1920.

b. Nguyễn Ái Quốc thành lập tổ chức Hội Việt Nam cách mạng thanh niên tháng 6/1926.

1. **Trình bày và phân tích một số điểm chủ yếu trong nội dung Cương lĩnh đầu tiên của Đảng để khẳng định đó là đường lối giải phóng dân tộc đúng đắn và sáng tạo.**

Hướng dẫn làm bài

Những điểm chủ yếu của Cương lĩnh chính trị đầu tiên:

+ Thấu suốt sự phát triển tất yếu của cách mạng Việt Nam là con đường kết hợp và giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội...

+ Nhiệm vụ của cách mạng tư sản dân quyền ở nước ta là đánh đổ bọn đế quốc Pháp, phong kiến tay sai và giai cấp tư sản phản cách mạng... nổi bật lên là nhiệm vụ chống đế quốc, phong kiến, giành độc lập cho toàn thể dân tộc.

+ Lực lượng cách mạng là công nông, đồng thời “phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông... để kéo họ đi về phe vô sản giai cấp. Còn đối với phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư sản Việt Nam mà chưa lộ rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít ra cũng làm cho họ trung lập”.

+ Cách mạng Việt Nam là bộ phận của cách mạng thế giới...

+ Vai trò lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng...

Trên cơ sở đó, các em làm rõ được:

- Tính đúng đắn thể hiện: những nội dung của Cương lĩnh phù hợp với thực tiễn Việt Nam (phân tích tính đúng đắn thể hiện cụ thể trong đường lối chiến lược CM, nhiệm vụ CM, lãnh đạo CM, lực lượng CM, đoàn kết quốc tế)...

- Tính sáng tạo thể hiện ở chỗ, những quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin được Nguyễn Ái Quốc vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh Việt Nam. Cương lĩnh đã kết hợp đúng đắn vấn đề dân tộc và giai cấp, trong đó độc lập, tự do là tư tưởng chủ yếu. Về lực lượng cách mạng, Cương lĩnh chủ trương tập hợp rộng rãi lực lượng toàn dân tộc để đánh đuổi kẻ thù. Điều này rất đúng với hoàn cảnh một nước thuộc địa như Việt Nam.

2. *So sánh một số điểm chủ yếu trong nội dung Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng với Luận cương chính trị năm 1930 để thấy rõ sự đúng đắn của văn kiện trước và sự hạn chế của văn kiện sau?”*

Gợi ý:

<i>Nội dung so sánh</i>	<i>Cương lĩnh chính trị</i>	<i>Luận cương chính trị</i>
Đường lối chiến lược CM	CM tư sản dân quyền, cách mạng ruộng đất và CMXHCN	CM tư sản dân quyền và CMXHCN

Nhiệm vụ CM	Đánh đổ đế quốc Pháp, đánh đổ PK...	Đánh đổ phong kiến và đánh đổ đế quốc...
Lãnh đạo CM	Là giai cấp VS thông qua đội tiên phong là ĐCS, nhân tố quyết định mọi thắng lợi của CM	Là giai cấp VS thông qua đội tiên phong là ĐCS- nhân tố quyết định mọi thắng lợi của CM
Lực lượng CM	CN-nd, TTS, trí thức; còn phú nông, trung tiểu địa chủ và tư sản thì lợi dụng hoặc trung lập.	Công nhân và nông dân
Đồng minh	CMVN là một bộ phận của CMTG...	CM ĐD có quan hệ mật thiết với CMTG.
Phương pháp CM		Bạo lực CM (tập hợp tổ chức quần chúng đấu tranh...)

- Qua bảng hệ thống trên, học sinh nhận thấy những điểm giống và khác:

+ Giống: đều đề ra đường lối chiến lược sách lược cho cách mạng VN (Luận cương chính trị tiếp thu những vấn đề cơ bản của CLCT, bổ sung thêm phương pháp cách mạng)

+ Khác: trong việc xác định nhiệm vụ và tập hợp lực lượng...

-> Kết luận: cương lĩnh chính trị đầu tiên sáng tạo, kết hợp đúng đắn vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp. Luận cương .

3. “Luận cương chính trị” đã xác định được nhiều vấn đề chiến lược cách mạng, nhưng cũng đã bộc lộ một số hạn chế nhất định... mang tính chất “tả khuynh” giáo điều, phải trải qua quá trình thực tiễn đấu tranh cách mạng, các nhược điểm trên mới dần khắc phục...” (Sách giáo khoa lịch sử lớp 12, trang 28, Tập 2, NXB Giáo dục, 1999)

Anh (chị) hãy đọc đoạn viết trên và :

+ Nêu những hạn chế của Luận cương chính trị.

+ Trình bày và phân tích những chủ trương của Đảng trong thời gian từ 1936 đến 1941 nhằm khắc phục những hạn chế đó.

Hướng dẫn làm bài

a. Một số nhược điểm, hạn chế:

- Luận cương chính trị (10/1930) của Đảng Cộng sản đã xác định được những vấn đề chiến lược trong đấu tranh đòi các quyền lợi trước mắt và lâu dài. Tuy nhiên, Luận cương còn có một số hạn chế nhất định, như :

- Chưa xác định mâu thuẫn chủ yếu của xã hội thuộc địa, nên không nêu được vấn đề dân tộc lên hàng đầu mà nặng về vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp.

- Không đánh giá đúng khả năng cách mạng, lòng yêu nước chống Pháp của tư sản dân tộc và tiểu tư sản.

- Không thấy được khả năng phân hoá và lôi kéo một bộ phận giai cấp địa chủ trong cách mạng giải phóng dân tộc.

b. Trình bày và phân tích những chủ trương của Đảng trong thời gian từ 1936 đến 1941 nhằm khắc phục những hạn chế đó.

- Hạn chế lớn nhất của Luận cương chính trị là không nêu cao vấn đề dân tộc lên hàng đầu, mà nặng về đấu tranh giai cấp...có ảnh hưởng lớn đến việc tập hợp các lực lượng cách mạng; không phù hợp với thực tiễn của tiến trình hoạt động cách mạng, khi quyền lợi của dân tộc chưa giành được thì nói gì đến quyền lợi giai cấp.

- Hội nghị Trung ương Đảng tháng 7-1936 đã gắn cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới và chủ trương thành lập Mặt trận thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương, sau đó đổi thành mặt trận Dân chủ Đông Dương để tập hợp tất cả các giai cấp, tầng lớp yêu nước, có xu hướng dân chủ, tiến bộ (phân tích)...

- Hội nghị Trung ương Đảng tháng 11-1939 : Trong điều kiện lịch sử mới, vấn đề giải phóng dân tộc là hàng đầu và là cấp bách nhất của Đông Dương; mọi vấn đề khác – kể cả ruộng đất đều phải nhằm vào mục đích đó để giải quyết. Trên cơ sở đó, Đảng ta chủ trương thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương để tập hợp mọi lực lượng yêu nước tham gia đấu tranh giành độc lập.

- Hội nghị Trung ương 8 (5-1941) tiếp tục giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc và tạm gác “cách mạng ruộng đất,; chủ trương thành lập ở mỗi nước trên bán đảo Đông Dương một mặt trận dân tộc thống nhất riêng, ở Việt Nam là Việt Nam độc lập đồng minh...

4. Sự kết hợp của ba nhân tố đưa tới sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam diễn ra như thế nào?

Hướng dẫn

Có nhiều cách trình bày, dưới đây là một gợi ý:

- Trình bày quá trình vận động thành lập Đảng từ 1925 với sự ra đời của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên, sự kết hợp 3 nhân tố trong một con người-Nguyễn Ái Quốc, sự kết hợp ở 3 tổ chức cộng sản ...

- Làm rõ mối liên hệ và tác động giữa 3 nhân tố kết hợp cho sự ra đời của Đảng. Đây là một nét riêng, độc đáo của các nước thuộc địa, phụ thuộc, song vẫn hợp quy luật chung sự ra đời của một Đảng cộng sản.

CHƯƠNG II: PHONG TRÀO CÁCH MẠNG 1930 – 1931 VÀ CUỘC ĐẤU TRANH PHỤC HỒI LỰC LƯỢNG CÁCH MẠNG

I. PHONG TRÀO CÁCH MẠNG 1930-1931 VỚI ĐỈNH CAO XÔ VIẾT- NGHỆ TĨNH

1. “Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 – 1933) đã tác động đến tình hình kinh tế và xã hội ở Việt Nam ra sao?”

Gợi ý

Câu hỏi yêu cầu học sinh nêu và phân tích được những tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 – 1933) tới tình hình kinh tế và xã hội nước ta, đặc biệt xác lập mối liên quan với sự bùng nổ phong trào CM 1930-1931.

2. “Vì sao phong trào cách mạng trong nửa đầu những năm 1930 của toàn quốc và riêng ở Nghệ- Tĩnh đã lên cao như vậy?”

Các điểm chủ yếu cần trình bày:

- Nguyên nhân làm bùng nổ mạnh mẽ phong trào toàn quốc:

+ Tác động của khủng hoảng kinh tế làm cho mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc ta với đế quốc, tay sai phản động ngày càng sâu sắc.

+ Pháp đẩy mạnh khủng bố trắng sau khởi nghĩa Yên Bái càng làm cho mâu thuẫn dân tộc sâu sắc hơn.

+ Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, bước ngay vào trận tuyến đấu tranh CM với tư cách lãnh đạo -> đây là điều kiện quyết định đưa tới sự bùng nổ phong trào tự giác trên quy mô lớn.

- *Nguyên nhân phong trào ở Nghệ- Tĩnh lên cao: ngoài hoàn cảnh chung, Nghệ- Tĩnh có những đặc điểm riêng:*

+ Chịu ách thống trị của đế quốc- phong kiến nặng nề, lại là vùng đất nghèo...

+ Có truyền thống cách mạng.

+ Cơ sở công nghiệp Vinh - Bến Thủy là trung tâm kỹ nghệ lớn nhất Trung Kỳ, là điều kiện thuận lợi cho liên minh công nông.

+ Các tổ chức cộng sản và cơ sở Đảng ở đây khá mạnh.

3. *“Căn cứ vào đâu để khẳng định rằng Xô Viết Nghệ Tĩnh là hình thức sơ khai của chính quyền công nông ở nước ta, và đó thật sự là chính quyền cách mạng của quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng?”*

Với câu hỏi này giáo viên phải hướng dẫn học sinh trên cơ sở nêu và phân tích việc tổ chức chính quyền, các chính sách của chính quyền Xô Viết Nghệ Tĩnh để làm rõ yêu cầu của câu hỏi

- Tổ chức chính quyền: khi chính quyền địch tan rã ở nhiều địa phương, các chi bộ Đảng đứng ra quản lý đời sống. Đây là kiểu chính quyền Xô Viết Nga, do nông dân bầu ra các đại biểu của mình và có đại biểu của công nhân làm cố vấn.

- Chính sách (như trong SGK) -> Đây là mẫu hình chính quyền CM đầu tiên ở nước ta, thể hiện bản chất ưu việt, là chính quyền của dân do dân và vì dân...

4. *Tại sao nói phong trào CM 1930-1931 là cuộc diễn tập, chuẩn bị cho CM tháng Tám? Phong trào cách mạng 1930-1931 với đỉnh cao là Xô Viết Nghệ Tĩnh đã cho ta những bài học kinh nghiệm gì?”*

Với câu hỏi này, học sinh cần:

- Khái quát đôi nét về cao trào cách mạng 1930-1931 với đỉnh cao là Xô Viết Nghệ Tĩnh.

- Phân tích ý nghĩa và bài học kinh nghiệm của phong trào...

5. *Chứng minh rằng phong trào cách mạng 1930-1931 mang tính cách mạng triệt để, quy mô rộng lớn và hình thức đấu tranh quyết liệt.*

Học sinh cần làm rõ:

- *Phong trào mang tính cách mạng triệt để:* nhằm trúng 2 kẻ thù đế quốc và phong kiến, đoạn tuyệt với chủ nghĩa cải lương tư sản. Kiên quyết dùng bạo lực cách mạng lật đổ chính quyền địch, thành lập chính quyền cách mạng...

- *Phong trào cách mạng 1930-1931 có quy mô rộng lớn:* thu hút hàng chục vạn người tham gia trong phạm vi cả nước kéo dài trong thời gian gần 2 năm. Lực lượng chủ yếu là công nhân và nông dân (dẫn chứng)

- *Phong trào cách mạng 1930-1931 có hình thức đấu tranh phong phú, quyết liệt:* bãi công của công nhân, đấu tranh của nông dân, bãi khóa của học sinh, bãi thị của tiểu thương, mít tinh biểu tình của các tầng lớp khác... Phong trào sử dụng các hình thức quyết liệt như phá nhà lao, đốt huyện đường, dùng bạo lực CM đập tan chính quyền địch ...

II. SỰ PHỤC HỒI LỰC LƯỢNG CÁCH MẠNG SAU KHỦNG BỐ TRẮNG CỦA ĐẾ QUỐC PHÁP(1932-1935)

1. *“Căn cứ vào đâu để khẳng định rằng phong trào cách mạng nước ta từ 1933 đã phát triển trở lại?”*

Học sinh cần nêu những điểm chủ yếu sau:

- Khái quát hoàn cảnh (sự thất bại của phong trào cách mạng 1930-1931, chính sách khủng bố của Pháp).
- Cuộc đấu tranh phục hồi lực lượng: Trong các nhà tù, các đảng viên cộng sản và những người yêu nước tiếp tục đấu tranh, những đảng viên còn lại ở bên ngoài tìm cách gây dựng lại những tổ chức cơ sở Đảng và quần chúng (d/c).
- Từ 1933, phong trào phát triển trở lại, biểu hiện:
 - + Phong trào đấu tranh của quần chúng (công nhân, nông dân, tiểu thương, tiểu chủ...) nổi tiếp nổ ra ở Nam Kỳ, Tây Nguyên...
 - + Cuối 1933 đến đầu năm 1935 các tổ chức Đảng được xây dựng, củng cố, các Xứ ủy Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ, các tổ chức quần chúng như Công hội, Nông hội lần lượt được lập lại.
 - + Tháng 3-1935, Đại hội lần thứ nhất của Đảng tổ chức thành công ở Ma Cao (Trung Quốc) không chỉ khẳng định sự phục hồi hoàn toàn của Đảng mà còn là sự chuẩn bị cho một phong trào cách mạng mới.

2. *“Vai trò lãnh đạo của Đảng được thể hiện như thế nào trong thời kì cách mạng 1930-1935?”*

Học sinh cần nắm được vai trò lãnh đạo của Đảng là nhân tố cơ bản cho sự bùng nổ phong trào cách mạng và đẩy phong trào tới đỉnh cao, cũng như gìn giữ để phát triển phong trào trở lại khi bị đàn áp, khủng bố. Cụ thể:

- *Thời kỳ 1930-1931*, Đảng là người phát động và lãnh đạo phong trào:
 - + Phong trào được sự chỉ đạo thống nhất của Đảng nổ ra từ Bắc chí Nam, ở cả công nhân, nông dân và các tầng lớp lao động khác, trong đó giai cấp công nhân là lực lượng đi đầu (nêu một vài sự kiện tiêu biểu).
 - + Mục tiêu đấu tranh: không chỉ đòi quyền lợi cho công nhân, nông dân, các tầng lớp khác mà còn tỏ rõ sự đoàn kết với vô sản thế giới (biểu tình 1-5-1930).
 - + Dưới sự lãnh đạo của Đảng, phong trào đấu tranh đã nhằm vào hai kẻ thù chính của dân tộc là đế quốc và phong kiến ...
 - + Hình thức đấu tranh: kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, trong đó đấu tranh chính trị là chủ yếu.
- *Thời kỳ 1932-1935*:

Tuy thực dân Pháp đàn áp, khủng bố dã man, các cơ sở Đảng bị phá vỡ, song Đảng vẫn được giữ vững vai trò tiên phong trong phong trào chống khủng bố, tuyên truyền giác ngộ, gây dựng lại các cơ sở của Đảng và quần chúng.

 - + Đấu tranh ở trong tù của các Đảng viên cộng sản.
 - + Gây dựng lại cơ sở và phong trào quần chúng.
 - + Lợi dụng các diễn đàn công khai để tuyên truyền, cổ động quần chúng theo các khẩu hiệu của Đảng.

+ Thành lập Ban lãnh đạo của Đảng và ra chương trình hành động để phát động quần chúng đấu tranh.

CHƯƠNG III: CUỘC VẬN ĐỘNG DÂN CHỦ 1936-1939

1. “Điều kiện lịch sử đưa tới phong trào dân chủ 1936-1939 là gì?”

- Câu hỏi yêu cầu học sinh nêu và phân tích hoàn cảnh lịch sử (thế giới, trong nước) và chủ trương của Đảng làm bùng nổ phong trào cách mạng mới.

- Đây là câu hỏi chỉ yêu cầu kiến thức cơ bản, vì vậy học sinh có thể tự dựa vào SGK để làm.

2. So với thời kỳ 1930-1931, chủ trương, sách lược cách mạng của Đảng và hình thức đấu tranh trong thời kỳ này có gì khác? Vì sao?

- GV hướng dẫn học sinh lập bảng so sánh:

Tiêu chí	PTCM 1930-1931	PTCM 1936-1939
Kẻ thù	Đế quốc, phong kiến	Phát xít, bọn phản động Pháp ở thuộc địa và tay sai
Nhiệm vụ	Chống đế quốc, giành độc lập dân tộc. Chống phong kiến, giành ruộng đất cho dân cày.	Chống phát xít, chống chiến tranh đế quốc, phản động tay sai, đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình.
Lực lượng	Hội phản đế đồng minh Đông Dương...	Mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương sau đổi thành mặt trận dân chủ Đông Dương.
Hình thức-phương pháp CM	Bí mật, bất hợp pháp Bạo động, võ trang	Hợp pháp, nửa hợp pháp, công khai, bán công khai

- Nguyên nhân khác biệt: do hoàn cảnh lịch sử...

3. “Trong phong trào dân chủ 1936-1939, có những sự kiện nào tiêu biểu nhất?”

Để làm bài tập này, học sinh cần trình bày:

- Khái quát nội dung chính của phong trào dân chủ 1936-1939

- Nhấn mạnh những sự kiện tiêu biểu nhất: nêu sự kiện, giải thích vì sao là tiêu biểu nhất (sự kiện quan trọng, lớn nhất, có tác động mạnh mẽ, chủ yếu đối với phong trào cách mạng lúc bấy giờ).

-> Gợi ý các sự kiện tiêu biểu: Phong trào Đông Dương Đại hội 1936, phong trào đón rước phái viên Chính phủ Pháp (Gôđa) và Toàn quyền mới (Brêvie) 1937. Cuộc mít tinh tại Quảng trường Đấu Xảo- Hà Nội (1-5-1938)...

4. “Kết quả và ý nghĩa phong trào 1936-1939?”

- Đây là câu hỏi có tính chất tổng hợp. Tuy nhiên học sinh có thể dựa vào SGK nêu được.

- Nhấn mạnh đây được coi là cuộc tổng diễn tập lần 2 và bước chuẩn bị thứ 3 cho thắng lợi của Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945

CHƯƠNG IV: CUỘC VẬN ĐỘNG CÁCH MẠNG THÁNG TÁM (1939-1945)

I. TÌNH HÌNH VIỆT NAM TRONG CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI

1. “Cuộc chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945) có tác động như thế nào đến tình hình

Việt Nam?”

- Câu hỏi đòi hỏi học sinh nêu tình hình nước ta trong Chiến tranh thế giới thứ hai (lưu ý mối liên hệ, tác động của diễn biến chiến tranh thế giới thứ hai đến Việt Nam)

- Dựa vào SGK, học sinh nêu các điểm nổi bật về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của Việt Nam. Trong đó nhấn mạnh, mâu thuẫn dân tộc trở nên gay gắt, yêu cầu giải phóng dân tộc đặt ra bức thiết và Đảng đã đề ra chủ trương chuyển hướng đấu tranh cho CM VN.

2. *Vì sao đứng trước hai nguy cơ, ngọn lửa cách mạng giải phóng dân tộc của nhân dân Đông Dương bùng cháy và phát xít Nhật lăm le xâm lược Đông Dương, thực dân Pháp lại chọn việc nhân nhượng phát xít Nhật? Điều đó nói lên bản chất gì của bọn xâm lược?*

Hướng dẫn làm bài

+ *Nguy cơ 1* : Phong trào giải phóng dân tộc đang phát triển mạnh mẽ ở các nước Đông Dương. Ở Việt Nam, phong trào 1936 – 1939 đang phát triển mạnh mẽ trong cả nước. Quần chúng nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đấu tranh cho quyền dân chủ, dân tộc, giành được thắng lợi, Pháp bị cô lập.

+ *Nguy cơ 2* : Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, trong giai đoạn đầu phe phát xít thắng thế, quân đội Đức đã kéo vào chiếm Pháp, chính phủ Pháp đã đầu hàng phát xít Đức. Tại châu Á, phát xít Nhật lăm le xâm lược các nước thuộc địa của Pháp, đòi thực dân Pháp phải cho chúng đưa quân vào các nước Đông Dương.

→ Trước hai nguy cơ đó Pháp đã quyết định nhân nhượng Nhật. Giữa các nước phát xít và các nước dân chủ tư sản có nhiều điểm chung. Chúng đều xuất phát điểm chung là chế độ tư bản, đế quốc; tuy quyền lợi trước mắt của chúng là mâu thuẫn với nhau nhưng về cơ bản chúng có quyền lợi chung về thuộc địa, bóc lột, thống trị nhân dân. Còn giữa đế quốc Pháp với các nước thuộc địa – Việt Nam và Đông Dương lại có mâu thuẫn không thể điều hoà được do chính sách khai thác thuộc địa tàn bạo của thực dân Pháp. Trong cuộc chiến tranh Pháp – Phổ cuối thế kỉ XIX, Pháp từng tuyên bố : Có thể chịu nhục quân Đức chứ không thể hoà với quần chúng nhân dân.

→ Qua việc phân tích chủ trương của Pháp ta thấy bản chất đối trá, hèn nhát... của thực dân Pháp. Như lời nhận xét của chủ tịch Hồ Chí Minh khi kể tội thực dân Pháp trong bản “Tuyên ngôn độc lập” : *Pháp đã hai lần bán nước ta cho Nhật.*

II. SỰ CHUYỂN HƯỚNG CHỈ ĐẠO ĐẤU TRANH CỦA ĐẢNG

1. *Trình bày quá trình chuyển hướng đấu tranh của Đảng qua các Hội nghị BCHTW 11-1939 và Hội nghị 8 (5-1941)*

Học sinh cần làm rõ

- Khái quát hoàn cảnh, nội dung, ý nghĩa của Hội nghị BCHTW 11-1939. Phân tích để thấy: HN đánh dấu sự chuyển hướng chỉ đạo CM của Đảng - đặt vấn đề giải phóng dân tộc lên hàng đầu (so sánh với thời kì trước)

- Khái quát hoàn cảnh, nội dung, ý nghĩa hội nghị TU 8 (5-1941). Làm rõ sự hoàn chỉnh: tiếp tục giương cao nhiệm vụ giải phóng dân tộc, tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất; hoàn thiện chủ trương xây dựng mặt trận; chủ trương khởi nghĩa vũ trang (đặc biệt xác định hình thái khởi nghĩa); dự đoán thời cơ khởi nghĩa...

III. NHỮNG PHÁT SÚNG ĐẦU TIÊN BÁO HIỆU THỜI KỲ ĐẦU TRANH MỚI

1. *Phân tích nguyên nhân thất bại, ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của 3 cuộc khởi nghĩa: Bắc Sơn, Nam kỳ và binh biến Đô Lương?*

HS dựa SGK tự làm

2. *Vì sao nói các cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kỳ và binh biến Đô Lương là những cuộc đấu tranh mở đầu thời kì mới*

- Trước đó trong thời kì 1936-1939: nhân dân đấu tranh chính trị hoà bình đòi tự do dân sinh dân chủ, cơm áo hoà bình.

- Thực hiện sự chuyển hướng chỉ đạo đấu tranh của Hội nghị 11-1939, khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kỳ và binh biến Đô Lương đã bùng nổ.

+ Mục tiêu: giành chính quyền

+ Hình thức đấu tranh: vũ trang

+ Lãnh đạo: do tổ chức Đảng (cấp huyện và xứ uỷ) và lực lượng ngoài Đảng

+ Thành phần tham gia: các tầng lớp nhân dân- chủ yếu là nông dân, có cả binh lính người Việt trong quân đội Pháp

• Địa bàn nổ ra ở cả 3 miền...

Kết luận : các cuộc khởi nghĩa này đã mở đầu thời kì đấu tranh vũ trang trong toàn quốc để giành chính quyền, "đó là những tiếng súng báo hiệu cho cuộc khởi nghĩa toàn quốc, là bước đầu đấu tranh bằng vũ lực của các dân tộc Đông Dương".

IV. MẶT TRẬN VIỆT MINH RA ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO ĐẦU TRANH

1. *"Vì sao 1941, Trung ương Đảng và Nguyễn Ái Quốc chủ trương thành lập Việt Minh? Phân tích vai trò của Mặt trận Việt Minh đối với cách mạng tháng Tám?"*

Học sinh cần nêu được

- *Giải thích Bác và TU Đảng chủ trương thành lập Việt Minh, do:*

+ CTTG thứ hai bùng nổ và ngày càng lan rộng, phát xít Đức chuẩn bị tấn công Liên Xô... đã tác động mạnh mẽ đến tình hình Đông Dương. Thực dân Pháp ở Đông Dương thi hành những chính sách phản động (...). 9-1940 Nhật vào Đông Dương, Pháp đầu hàng Nhật và câu kết với Nhật thống trị, áp bức bóc lột nhân dân Đông Dương, nhân dân ta phải chịu cảnh một cổ hai tròng. Mâu thuẫn dân tộc trở nên vô cùng gay gắt... Nhiệm vụ giải phóng dân tộc đặt ra bức thiết hơn bao giờ hết.

-> Để tập hợp lực lượng toàn dân tộc vào cuộc đấu tranh giành độc lập cần có một hình thức mặt trận dân tộc thích hợp, đoàn kết rộng rãi mọi người dân Việt Nam có lòng yêu nước thương nòi.

+ Mỗi nước Đông Dương có đặc điểm riêng về kinh tế, chính trị, lịch sử, văn hóa nên phải thành lập mỗi nước một mặt trận riêng...

+ Cần gắn sự nghiệp cách mạng của Việt Nam với sự nghiệp chống phát xít của phe Đồng minh...

- *Phân tích được vai trò của mặt trận Việt Minh đối với cách mạng tháng Tám*

+ Đóng góp to lớn trong việc xây dựng và tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, phân hoá và cô lập cao độ kẻ thù (đế quốc và tay sai) để chĩa mũi nhọn đấu tranh vào chúng.

+ Tập hợp đông đảo quần chúng nhân dân, tổ chức, giáo dục, giác ngộ và rèn luyện họ

thành lực lượng chính trị hùng hậu cho cách mạng tháng Tám...

+ Tạo cơ sở chính trị vững chắc cho việc xây dựng lực lượng vũ trang và căn cứ địa cách mạng...

+ Cùng TU Đảng lãnh đạo cao trào kháng Nhật cứu nước (9-3 → giữa 8-1945) và tổng khởi nghĩa tháng Tám thắng lợi..

+ Triệu tập đại hội quốc dân Tân Trào (một hình thức tiền Quốc hội, từ 16 → 17-8-1945), bầu ra Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam (Chính phủ lâm thời), lập nên nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á

+ Đảm đương chức năng của 1 tổ chức tiền nhà nước và chính quyền cách mạng...

+ Gắn cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của Việt Nam với cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít, bảo vệ hoà bình của phe Đồng minh.

→ Mặt trận Việt Minh đóng vai trò quan trọng trong toàn bộ quá trình chuẩn bị và tiến hành Tổng khởi nghĩa tháng Tám, là một trong những nhân tố cơ bản quyết định thắng lợi của cách mạng tháng Tám.

2. “*Từ năm 1941 đến 1945, lực lượng chính trị và vũ trang của cách mạng đã được xây dựng và phát triển như thế nào?*”

Học sinh cần trình bày:

- *Lực lượng chính trị:*

Là khối đoàn kết toàn dân. Thời gian này, Mặt trận Việt Minh với các tổ chức quần chúng rộng rãi mang tên các Hội cứu quốc được xây dựng và phát triển mạnh mẽ (HS dựa kiến thức mục 4 của bài trong SGK để trả lời)

-> Vai trò: Việt Minh là cầu nối giữa Đảng và nhân dân, là trung tâm khối đại đoàn kết toàn dân, tạo ra lực lượng chính trị hùng hậu cho CMT8.

- *Lực lượng vũ trang:* là một trong hai lực lượng cách mạng không thể thiếu trong khởi nghĩa giành chính quyền.

+ Hội nghị 11-1940 giữ lại đội du kích Bắc Sơn làm nòng cốt, phân tán hoạt động ở căn cứ Bắc Sơn- Vũ Nhai.

+ 2-1941 : Trung đội Cứu quốc quân I ra đời, đẩy mạnh chiến tranh du kích trong 8 tháng, phát triển lực lượng, gây dựng cơ sở tại các tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang, Lạng Sơn.

+ 9-1941: Trung đội Cứu quốc quân II ra đời

+ Cuối 1941, Nguyễn Ái Quốc thành lập đội tự vệ vũ trang ở Cao Bằng,

+ 2-1944, Trung đội Cứu quốc quân III ra đời...

+ 22-12-1944, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân được thành lập.

+ Sau khởi nghĩa Ba Tơ (11-3-1945), đội du kích Ba Tơ thành lập ...

+ Tháng 4-1945: Hội nghị Quân sự cách mạng Bắc Kỳ (nội dung)

+ 5-1945: Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân và Cứu quốc quân thống nhất thành Việt Nam giải phóng quân.

-> Vai trò: lực lượng vũ trang đóng vai trò xung kích, hỗ trợ quần chúng giành chính quyền trong CMT8; tiến hành tác chiến ở một số nơi gây thanh thế cho cách mạng...

Kết luận chung: Nhờ xây dựng được lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang mà Đảng ta có thể kết hợp hai hình thức đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang trong Tổng khởi

nghĩa giành chính quyền.

V. CAO TRÀO KHÁNG NHẬT CỨU NƯỚC TIẾN TỚI TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG TÁM 1945

1. *“Tại sao Nhật đảo chính Pháp 9-3-1945? Các chính sách và thủ đoạn của Nhật sau ngày đảo chính?”*

Học sinh cần nêu và phân tích được:

* *Nguyên nhân Nhật đảo chính Pháp*

- Bản chất Nhật và Pháp là hai tên đế quốc nên không thể cùng chung một miếng mồi, sự hòa hoãn chỉ là tạm thời và bấp bênh.

- Đông Dương trở thành vị trí chiến lược cực kì quan trọng sau khi Mĩ đã chiếm Phi-líp-pin. Đường biển xuống phía Nam của Nhật bị cắt đứt nên Nhật phải giữ bằng được con đường bộ qua Đông Dương bằng mọi giá (vì nếu mất sẽ mất thế liên hoàn)

- Bọn Pháp ở Đông Dương cũng lăm le chuẩn bị chờ quân Đồng minh vào đánh Nhật thì sẽ khôi phục lại quyền thống trị của mình như trước 9-1940.

→ để trừ kẻ thù từ phía sau và giữ Đông Dương làm cầu nối đi xuống phía Nam 9-3-1945, Nhật đảo chính Pháp trên toàn cõi Đông Dương.

* *Chính sách của Nhật sau đảo chính*

- *Về chính trị:*

+ Thành lập Chính phủ bù nhìn thân Nhật và các tổ chức tay sai với chiêu bài Việt Nam độc lập.

+ Nhật thay thế Pháp nắm mọi quyền hành.

+ Bóp nghẹt các quyền tự do, dân chủ.

- *Về kinh tế:* Vơ vét, bóc lột dân ta nặng nề: thu thóc tạ, phá lúa trồng đay vẫn tiếp tục.

- *Về quân sự:* Tấn công vào căn cứ Việt Minh ở Việt Bắc, khủng bố cách mạng Việt Nam.

- *Về văn hóa:* Mị dân, lừa bịp...

-> *Đánh giá:*

+ Chính sách, thủ đoạn của Nhật làm cho đời sống nhân dân điều đúng.

+ Bộ mặt giả nhân, giả nghĩa của Nhật, tay sai bị bóc trần.

+ Mâu thuẫn giữa các dân tộc Đông Dương với phát xít Nhật và tay sai ngày càng sâu sắc.

3. *Khi Nhật đảo chính Pháp, Đảng Cộng sản Đông Dương đã có những chủ trương và khẩu hiệu gì để đẩy cách mạng tiến tới? Vì sao Đảng chưa chủ trương phát động khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền?*

Các ý cần đạt:

- Chủ trương và khẩu hiệu của Đảng (thể hiện qua nội dung Hội nghị Thường vụ TW mở rộng 9-3-1945, thể hiện tập trung trong bản *Chỉ thị Nhật- Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*).

+ Trong chỉ thị *Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*: chủ trương tiến hành những cuộc khởi nghĩa từng phần và đề ra khẩu hiệu: thay khẩu hiệu đánh đuổi phát xít Nhật Pháp bằng khẩu hiệu “*Đánh đuổi phát xít Nhật*”.

+ Trong cao trào kháng Nhật cứu nước: đề ra khẩu hiệu *Phá kho thóc, giải quyết nạn đói*...

- Khi Nhật đảo chính Pháp Đảng chưa chủ trương phát động khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền vì: những điều kiện khởi nghĩa chưa chín muồi vì

+ Nhật đảo chính Pháp rất dễ dàng nên lực lượng của Nhật còn mạnh, đủ khả năng

giữ chính quyền thống trị ở Đông Dương.

+ Tầng lớp trung gian khi đó mới chỉ hoang mang dao động chứ chưa ngã hẳn về phía cách mạng

+ Đảng và quần chúng cách mạng trừ các căn cứ chính còn nhìn chung cả nước chưa sẵn sàng hành động.

-> Vì vậy, Đảng chưa phát động khởi nghĩa giành chính quyền, chỉ phát động cao trào Kháng Nhật cứu nước làm tiền đề cho Tổng khởi nghĩa. Đó là chủ trương sáng suốt, linh hoạt của Đảng.

VI. CÁCH MẠNG THÁNG TÁM THÀNH CÔNG TRONG CẢ NƯỚC

1. *“Phân tích và chứng minh sự lãnh đạo kịp thời, sáng tạo của Đảng Cộng Sản Đông Dương và của lãnh tụ Hồ Chí Minh trong cách mạng tháng Tám?”*

Học sinh nêu ra những sự kiện và phân tích làm sáng tỏ sự lãnh đạo kịp thời, sáng tạo của Đảng, đứng đầu là chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc chớp thời cơ ngàn năm có một và lãnh đạo Tổng khởi nghĩa trong cả nước.

- Hoàn cảnh lịch sử:

+ Về phía kẻ thù (Chính phủ Nhật đầu hàng Đồng minh không điều kiện, bọn Nhật tay sai ở Đông Dương hoang mang rệu rã; quân Đồng minh chưa kịp vào Đông Dương; quân Pháp chưa kịp nổi dậy..)

+ Về phía quần chúng cách mạng: đã sẵn sàng nổi dậy giành chính quyền.

+ Về phía đội tiên phong cách mạng: Đảng Cộng sản Đông Dương đã chuẩn bị đầy đủ, sẵn sàng lãnh đạo cách mạng..

- Đảng nhận định đúng thời cơ và kiến quyết chớp thời cơ:

+ 13-8-1945: thành lập Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc, ra bản Quân lệnh số 1 chính thức phát động tổng khởi nghĩa.

+ Hội nghị toàn quốc của Đảng...

+ Quốc dân Đại hội Tân Trào...

+ Thư gửi đồng bào cả nước của chủ tịch Hồ Chí Minh.

- Đảng sáng suốt lãnh đạo tổng khởi nghĩa: thông qua diễn biến nêu được:

+ Đảng đã phát động được tổng khởi nghĩa ở cả nông thôn và thành thị...

+ Đảng đã sử dụng khéo léo hai lực lượng chính trị và vũ trang, kết hợp nổi dậy trên cả hai địa bàn thành thị và nông thôn trong cuộc đấu tranh giành chính quyền ...

2. *“Ý nghĩa lịch sử, các nguyên nhân thành công, những bài học kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám?”*

Câu hỏi yêu cầu học sinh đánh giá ý nghĩa lịch sử, rút ra nguyên nhân thành công và những bài học kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám. Những ý chính học sinh có thể tự rút ra dựa trên SGK

3. *Tại sao nói thời cơ trong Tổng khởi nghĩa tháng 8 là thời cơ ngàn năm có một?*

Gợi ý

* Lý luận về thời cơ: theo Lê-nin, thời cơ cho phép một cuộc cách mạng bùng nổ và thắng lợi là sự kết hợp nhuần nhuyễn của 3 điều kiện: kẻ thù đã suy yếu đến mức không thể thống trị như cũ được nữa; quần chúng nhân dân không cam chịu bị thống trị như cũ, lực lượng trung gian ngã về phe cách mạng; đội tiên phong đã chuẩn bị đầy đủ về mọi mặt và quyết tâm tiến hành một cuộc cách mạng Tuy vậy quan trọng là phải nhận thức

đúng thời cơ và kiên quyết hành động cách mạng

- Đến đầu tháng 8/1945, thời cơ đã chín muồi ở Việt Nam (...)

- Trước những biến chuyển mau lẹ của tình hình, Đảng đã khẳng định thời cơ "ngàn năm có một" đã đến và quyết định phát động toàn dân đứng lên Tổng khởi nghĩa giành chính quyền với tinh thần "*Dù hy sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng quyết giành cho được độc lập dân tộc*".

- Sở dĩ Đảng và Bác nhận định thời cơ trong CMT8 là "*thời cơ ngàn năm có một*" vì:

+ Đây là thời cơ rất quý và hiếm, nó chỉ vụt đến và tồn tại trong một thời gian ngắn ngủi. Nó xuất hiện khi mà bè lũ thống trị đã lâm vào tình thế khủng hoảng đến tột độ, tầng lớp trung gian đã ngã về phe cách mạng, lực lượng vật chất và tinh thần chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa đã sẵn sàng và đầy đủ. Mặt khác, tập đoàn đế quốc khoác áo đồng minh chưa kịp vào Việt Nam Vì thế ta phải nhanh chóng giành chính quyền từ tay phát xít Nhật, lấy tư cách chủ nhân của đất nước để tiếp đón quân Đồng minh

+ Trên thực tế, chưa đầy 10 ngày sau khi Việt Nam tuyên bố độc lập, trên lãnh thổ nước ta đã có gần 30 vạn quân đế quốc thoả hiệp, câu kết với nhau hòng bóp chết cách mạng Việt Nam. Đồng thời, thực tế lịch sử cũng cho thấy rõ vào thời điểm Tháng 8/1945, thời cơ giành độc lập đến với tất cả các nước là thuộc địa của Nhật song chỉ những nước nào chuẩn bị đầy đủ mọi điều kiện mới giành được chính quyền. Việt Nam là một trong ba quốc gia tuyên bố độc lập vào thời điểm cuối 1945 cùng với Lào, Indônêxia.

- Tác dụng của thời cơ: Tổng khởi nghĩa tháng 8 của ta diễn ra rất mau lẹ nhưng lại thắng lợi to lớn giành được chính quyền trong cả nước mà ít tổn xương máu.

4. Sự ra đời của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa và bản Tuyên ngôn độc lập

a. Sự ra đời của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa .

- Ngay trong cương lĩnh chính trị của Đảng đề ra từ năm 1930 và chủ trương chuyển hướng đấu tranh của Đảng những năm 1939-1941 đã phác thảo ra một mô hình của một nước VN mới...

- Trong cao trào kháng Nhật cứu nước, khu giải phóng Việt Bắc được thành lập đã trở thành hình ảnh thu nhỏ của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa sau này với thủ đô Tân Trào.

- Khi thời cơ Tổng khởi nghĩa chín muồi, Đảng và Tổng bộ Việt minh đã quyết định phát động Tổng khởi nghĩa, đề ra những việc cần làm ngay và sau khi cách mạng thành công, đặt tên nước là Việt Nam dân chủ cộng hòa, quy định quốc kỳ, quốc ca.

- Cuộc cách mạng tháng Tám thành công, chính quyền cũ của thực dân – phong kiến sụp đổ... Ngày 2/9/1945, Chính phủ trung ương lâm thời ra mắt quốc dân ở Hà Nội. Chủ tịch Hồ Chí Minh trịnh trọng đọc Tuyên ngôn độc lập tuyên bố trước quốc dân và thế giới về sự ra đời của Việt Nam dân chủ cộng hòa

- Ý nghĩa:

Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời là một biến cố vĩ đại trong lịch sử dân tộc, đưa nước ta bước vào một kỷ nguyên mới: kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với CNXH, giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng giai cấp công nhân và nhân dân lao

động.

Sự ra đời của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa với nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á đã cổ vũ mạnh mẽ tinh thần đấu tranh của nhân dân các nước thuộc địa và phụ thuộc, nhất là các nước ở châu Á và châu Phi

b. Tuyên ngôn độc lập.

- Hoàn cảnh ra đời:

+ Ngày 15-8, Nhật đầu hàng Đồng minh, quân Nhật ở Đông Dương tê liệt, bọn tay sai hoang mang cực độ. Nhận rõ đây là thời cơ ngàn năm có một, Đảng đã phát động nhân dân tổng khởi nghĩa. Ngày 19- 8, Hà Nội giành chính quyền.

+ 25-8, giữa lúc cuộc tổng khởi nghĩa đang trên đà thắng lợi, chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng từ Tân Trào về Hà Nội. Tại số nhà 48 Hàng Ngang, Người bắt tay vào soạn thảo bản Tuyên ngôn độc lập.

+ 2- 9- 1945, tại Quảng trường Ba Đình lịch sử, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời đọc bản Tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa

- *Nội dung:*

+ Tuyên ngôn nêu rõ quyền bình đẳng giữa các dân tộc- đó là quyền thiêng liêng bất khả xâm phạm.

+ Tố cáo tội ác của Pháp- Nhật (chủ yếu là Pháp), khẳng định : với việc Pháp chạy, Nhật hàng, Bảo Đại thoái vị, nhân dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm và chế độ quân chủ trong mấy mươi thế kỉ, lập nên nước Việt Nam dân chủ cộng hòa

+ Tuyên bố thoát ly mọi quan hệ với Pháp, xoá bỏ mọi đặc quyền của Pháp trên đất Việt Nam. Người kêu gọi các nước Đồng minh công nhận quyền độc lập của nhân dân ta.

+ Tuyên ngôn khẳng định chủ quyền của nước ta về hai phương diện pháp lý và thực tế

+ Nêu cao quyết tâm sắt đá bảo vệ độc lập, chủ quyền của nhân dân.

- *Ý nghĩa:*

+ Tuyên ngôn độc lập là một văn kiện lịch sử có giá trị tư tưởng và ý nghĩa thực tiễn sâu sắc, độc lập tự do là tư tưởng cốt lõi.

+ Khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, mở ra kỉ nguyên mới trên đất nước ta: kỉ nguyên độc lập, tự do tiến lên chủ nghĩa xã hội.

+ Là mốc quan trọng đánh dấu một chặng đường chiến đấu và chiến thắng của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

5. Bằng những sự kiện lịch sử cụ thể, làm rõ vai trò của Nguyễn Ái Quốc đối với thắng lợi của CMT8.

a. Cùng Trung ương Đảng hoàn chỉnh việc chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cho cách mạng Việt Nam.

- Khi chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, Pháp bị Đức thôn tính, Nguyễn Ái Quốc đã xác định đây là thời cơ bắt đầu có lợi cho cách mạng Việt Nam.

. Vì vậy, Người đã phái một số cán bộ ở nước ngoài về nước chuẩn bị mọi mặt đón thời cơ.

- 28-1-1941, Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam.. Người đã chủ trì Hội nghị BCHTW 8 (5-1941) tại Pác Bó- Cao Bằng, hoàn chỉnh chuyển hướng chỉ đạo cách mạng Việt Nam. (nội dung...)

-> Việc hoàn chỉnh chuyển hướng chỉ đạo đấu tranh là đóng góp quan trọng của Nguyễn Ái Quốc trong buổi đầu về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam..

b. Nguyễn Ái Quốc có công lớn trong việc xây dựng lực lượng cách mạng.

- Nguyễn Ái Quốc đã sáng lập ra mặt trận Việt Minh(19/5/1941), đề ra cương lĩnh 10 điểm cho mặt trận Việt Minh có thành phần rộng rãi với các tổ chức quần chúng là các Hội cứu quốc, là lực lượng chính trị hùng hậu của cách mạng

- Trên cơ sở phát triển lực lượng chính trị, Nguyễn Ái Quốc đã cho xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng làm chỗ dựa cho cuộc Tổng khởi nghĩa sau này:

+ Năm 1941, Nguyễn Ái Quốc đã cho thành lập đội tự vệ chiến đấu ở Cao Bằng, Người biên soạn tài liệu để huấn luyện lực lượng vũ trang...

+ 22-12-1944: Hồ Chí Minh đã ra chỉ thị thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân - đội quân chủ lực đàn anh của cách mạng.

+ 4-1945: Hồ Chí Minh cùng TƯ triệu tập hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ...

=> Chính nhờ lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang trên mà ta đã sử dụng được cả hình thức đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang để tiến hành tổng khởi nghĩa thắng lợi.

c. Nguyễn Ái Quốc có công lớn trong việc xây dựng căn cứ địa cách mạng.

- 1941: Ngay sau khi về nước, Người đã chọn Cao Bằng để xây dựng căn cứ địa cách mạng. Từ Cao Bằng, căn cứ địa cách mạng dần mở rộng ra các tỉnh Cao- Bắc- Lạng.

- 6-1945, Hồ Chí Minh cùng trung ương Đảng cho thành lập căn cứ địa Việt Bắc... Ủy ban lâm thời khu giải phóng được thành lập do Người đứng đầu đã thi hành các chính sách của Việt Minh đưa Việt Bắc trở thành căn cứ địa cách mạng của cả nước, là hình ảnh tương lai của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Từ căn cứ địa Việt Bắc, chúng ta đã tiến xuống giải phóng cả nước khi thời cơ đến.

d. Nhận định đúng thời cơ và lãnh đạo Tổng khởi nghĩa tháng Tám.

- Nghe tin phát xít Nhật bại trận, lãnh tụ Hồ Chí Minh đã cho triệu tập Hội nghị toàn quốc của Đảng tại Tân Trào. Tuy không tham dự nhưng Người đã chỉ đạo Hội nghị bằng nhận định: "*Lúc này, thời cơ thuận lợi đã tới. Dù phải hy sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng quyết giành cho được độc lập dân tộc*". Như thế, Hồ Chủ tịch đã dự báo sáng suốt thời cơ và kiên quyết chớp thời cơ giành chính quyền.

- Người chủ trì Đại hội Quốc dân Tân Trào, hoàn tất nốt công tác chuẩn bị cho CMT8. Người còn đảm nhiệm trọng trách Chủ tịch ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam để lãnh đạo Tổng khởi nghĩa và khi cách mạng thành công sẽ chuyển thành Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa

- Sau Quốc dân đại hội Tân Trào, chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư tới đồng bào cả nước kêu gọi nổi dậy Tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

-> Như thế, Người chính là linh hồn của Tổng khởi nghĩa tháng Tám

e. Là người soạn thảo và đọc tuyên ngôn độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa

6. Có ý kiến cho rằng, Cách mạng tháng Tám năm 1945 thắng lợi là “sự ăn may” vì nó diễn ra trong điều kiện “trống vắng quyền lực”. Theo anh (chị), nhận xét đó có đúng không? Hãy lí giải và chứng minh.

Hướng dẫn làm bài

+ Nêu vài nét về ý nghĩa của Cách mạng tháng Tám năm 1945...

+ Do chưa nhận thức được tính tất yếu trong mối quan hệ giữa yếu tố giai cấp và yếu tố dân tộc của Cách mạng tháng Tám nên một số học giả nước ngoài đã không thấy hết vai trò lãnh đạo cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Họ cho rằng, cuộc cách mạng này nổ ra là do có “sự ăn may”, do lúc đó ở Đông Dương có “khoảng trống quyền lực” (Pháp chạy, Nhật hàng, quân Đồng minh chưa tới) nên Việt Minh mới dễ dàng giành thắng lợi.

+ Thế nhưng, thực tiễn lịch sử đã chứng minh được thắng lợi của Cách mạng tháng Tám không phải là một sự ngẫu nhiên, ăn may mà là sự chuẩn bị lâu dài và chớp lấy thời cơ của Đảng ta....

***Quá trình chuẩn bị :**

- Cách mạng tháng Tám 1945 là kết quả của 15 năm đấu tranh của nhân dân Việt Nam do Đảng Cộng sản tổ chức và lãnh đạo (1930 – 1945)

+ Năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, đánh dấu bước ngoặt lịch sử vĩ đại của cách mạng Việt Nam. Đó là sự chuẩn bị tất yếu đầu tiên cho Cách mạng tháng Tám.

+ Phong trào cách mạng 1930 – 1931 được coi là một cuộc diễn tập đầu tiên và là bước chuẩn bị thứ hai của Cách mạng tháng Tám.

+ Phong trào dân chủ 1936 – 1939 được coi là một cuộc diễn tập thứ hai và là bước chuẩn bị thứ 3 của Cách mạng tháng Tám.

+ Phong trào vận động giải phóng dân tộc 1939 – 1945, thời kì chuẩn bị trực tiếp cho Cách mạng tháng Tám.

+ Đảng Cộng sản Đông Dương đã kịp thời chuyển hướng chỉ đạo cách mạng: xác định lúc này giải phóng dân tộc là nhiệm vụ bức thiết nhất, kẻ thù chính trước mắt là bọn đế quốc, phát xít Pháp, Nhật; Chủ trương thành lập “Việt Nam độc lập đồng minh” (Việt Minh); Chuẩn bị xây dựng lực lượng chính trị của quần chúng, và lực lượng vũ trang; Đề ra chủ trương chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang là nhiệm vụ trung tâm của toàn đảng, toàn dân; vạch rõ, hình thái khởi nghĩa vũ trang ở Việt Nam.

+ Trên cơ sở chuyển hướng chỉ đạo cách mạng, Đảng đã xây dựng lực lượng cách mạng bao gồm lực lượng vũ trang, lực lượng chính trị và xây dựng căn cứ địa cách mạng... chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền khi thời cơ đến...

***Quá trình nắm lấy thời cơ giành chính quyền...**

+ Thời cơ xuất hiện, Đảng chủ trương phát động khởi nghĩa từng phần...

+ Khi thời cơ chín muồi, Đảng đã phát động và lãnh đạo nhân dân tiến hành Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong toàn quốc...

*** Kết luận chung :**

→ Như vậy, Cách mạng tháng Tám thắng lợi là kết quả của sự kết hợp khăng khít giữa những nhân tố chủ quan và điều kiện khách quan thuận lợi (sự chuẩn bị lâu dài và chớp thời cơ của Đảng ta) Những sự kiện trên đây đã chứng minh rằng Đảng và nhân dân ta đã chuẩn bị lâu dài, chu đáo cho cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945. Nhờ chuẩn bị chu đáo, trong suốt 15 năm kể từ khi có Đảng (1930 – 1945), trực tiếp là từ 1939 đến 1945 nên khi có thời cơ, Cách mạng tháng Tám diễn ra rất mau lẹ chỉ trong vòng 15 ngày, giành được chính quyền trong cả nước mà ít đổ máu.

PHẦN III: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. Kết luận

Từ thực tế trong công tác bồi dưỡng học sinh giỏi tại trường THPT Việt Đức, khi giảng dạy giai đoạn lịch sử Việt Nam từ 1930 – 1945, tôi thường lựa chọn các vấn đề dạy và phương pháp ôn tập (như đã trình bày). Qua nhiều năm, bản thân tôi thấy được tính hiệu quả của việc làm trên giúp cho học sinh không còn ngại học, tạo điều kiện cho các em củng cố kiến thức trọng tâm và hệ thống hoá kiến thức, phát huy tính tích cực, độc lập, sáng tạo có khả năng đối phó với các dạng câu hỏi, đề thi.

Tuy nhiên đây chỉ là một số kinh nghiệm, cách nhận thức chủ quan của tôi khi lựa chọn vấn đề dạy và phương pháp ôn tập cho học sinh giỏi khi giảng dạy giai đoạn lịch sử Việt Nam từ 1930 – 1945. Vì thế, để thực hiện tốt công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, đem lại một chuẩn mực nhất định làm cơ sở cho các giai đoạn lịch sử khác, trong sáng kiến này tôi rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các quý thầy cô.

II. Kiến nghị

Thứ nhất: Các cấp ban ngành, các nhà quản lý giáo dục cần quan tâm hơn nữa tới vấn đề dạy học lịch sử nói chung và bồi dưỡng HSG lịch sử nói riêng. Cụ thể, cần có sự đồng viên khuyến khích cả giáo viên và học sinh kịp thời nếu đạt thành tích cao trong học tập bộ môn (đạt giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh, học sinh giỏi cấp tỉnh, học sinh có điểm thi cao), Giúp đỡ về cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện dạy học, tài liệu tham khảo... cho các trường THPT.

Thứ hai: Cần phải nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên về mọi mặt như: Kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ sư phạm. Tổ chức trao đổi kinh nghiệm bồi dưỡng HSG của giáo viên giữa các trường THPT để giáo viên có thể học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau.

Vấn đề nâng cao chất lượng dạy học môn lịch sử nói chung và nâng cao chất lượng HSG lịch sử nói riêng là một vấn đề mà xã hội rất quan tâm hiện nay. Mỗi giáo viên cần có tâm với nghề, cần trau dồi chuyên môn nghiệp vụ, nắm vững lí luận dạy học bộ môn, tích cực đổi mới phương pháp dạy học, phương pháp bồi dưỡng hơn nữa góp phần nâng cao hiệu công tác bồi dưỡng HSG môn lịch sử từng bước nâng cao chất lượng bộ môn nhằm đáp ứng yêu cầu của xã hội.

MỤC LỤC

Phần I. MỞ ĐẦU

	Trang
I. Lí do chọn đề tài	1
II. Mục tiêu và nhiệm vụ của đề tài.....	1
II. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	1
IV. Phương pháp nghiên cứu.....	2

Phần II. NỘI DUNG

I. Cơ sở lí luận và thực tiễn.....	2
II. Một số biện pháp nâng cao chất lượng bồi dưỡng học sinh giỏi lớp 12 giai đoạn 1930-1945 ở trường THPT Việt Đức	4
1. Các vấn đề cơ bản và chuyên sâu giáo viên cần cung cấp cho học sinh khi giảng dạy giai đoạn lịch sử Việt Nam 1930-1945.....	4
2. Phương pháp ôn tập.....	8
3. Thiết lập các câu hỏi về giai đoạn lịch sử cách mạng Việt Nam 1930-1945.....	11

PHẦN II: KẾT LUẬN

I. Kết luận.....	27
II. Kiến nghị	27